

Bản án số: 206/2019/HS-PT
Ngày 12/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Anh

Các Thẩm phán:

Ông Phan Vĩnh Chuyển

Bà Dương Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đãi Em- Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 158/2019/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn thị H, Nguyễn Văn B do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 106/2019/HSST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

1/ Nguyễn Thị H, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1963 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Tổ 70, phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị Đ; Có chồng là Nguyễn Văn T và có 04 con; con lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 23/11/2018 đến ngày 01/12/2018 thả tự do. Ngày 17/12/2018 bị bắt tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Văn B, sinh ngày 27 tháng 5 năm 1994 tại Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ 70, phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn T (c) và bà Nguyễn Thị H; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 23/11/2018 đến ngày 01/12/2018 thả tự do, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

-Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn B có ông Nguyễn Văn C (em ruột) sinh năm 1995. Trú tại: Tổ 70, phường A, quận L, TP Đà Nẵng. Có mặt.

-Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn B có ông Phạm Ngọc H, văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8/2018, Nguyễn Thị H đi lên Đắk Lắk thăm chồng bị bệnh và trên đường về, H đi xe đến khu vực cửa khẩu T, huyện C, tỉnh Gia Lai mua của một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) được số hàng thuốc lá lậu: **1.400 (một ngàn bốn trăm)** bao thuốc lá mang nhãn hiệu: **ESSE** các loại rồi thuê xe khách vận chuyển từ Gia Lai về đến Đà Nẵng để tiêu thụ. Sau khi mua hàng về, H vận chuyển hàng đi tiêu thụ được một ít (số lượng: **400** bao thuốc lá điếu, nhãn hiệu **ESSE**), mỗi bao H thu lợi 5.000đ, số lượng hàng còn lại chưa bán được là **1000** bao thuốc lá, nhãn hiệu **ESSE** (gồm: **500** bao **ESSE Gold** và **500** bao **ESSE Classic**) thì H cất giữ tại nhà kho tọa lạc trên thửa đất trên đường N 11 thuộc tổ 112, phường M (nguồn gốc thửa đất trên Nguyễn Thị H mua nhưng để con trai là Nguyễn Văn B đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất và ngày 18/10/2018, Nguyễn Văn B đã thế chấp thửa đất này cho Ngân hàng TMCP phát triển TP Hồ Chí Minh chi nhánh Đà Nẵng để vay 700.000.000 đồng). Vào ngày 12/11/2018, H lại tiếp tục lên khu vực Cửa khẩu T để mua gom hàng thuốc lá nhập lậu của một người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch), H thỏa thuận sẽ mua toàn bộ số hàng thuốc lá lậu mà người phụ nữ này mua gom được trong khoảng từ 08 đến 10 ngày đến. Đến ngày 22/11/2018, H đón xe khách đi từ Đắk Lắk qua đến khu vực gần Cửa khẩu T để gặp người phụ nữ trên. Lần này, H mua gom được số hàng của người phụ nữ trên có số lượng là: **5.500** bao thuốc lá lậu, nhãn hiệu **ESSE** các loại. Khi mua hàng xong, H yêu cầu người phụ nữ trên xếp số lượng thuốc lá nhập lậu: **4.500** bao nhãn hiệu **ESSE** các loại vào trong hai bao gai rồi cho phở khô (mà H đã chuẩn bị trước) vào trong hai bao gai trên để ngụy trang và số hàng thuốc lá lậu còn lại: **1.000** bao nhãn hiệu **ESSE** thì H cất giấu vào trong một túi xách cùng với bao gai nhỏ. H thanh toán tiền hàng rồi thuê xe khách vận chuyển số hàng trên về trước Bến xe Đà Nẵng vào lúc khoảng 04h30' ngày 23/11/2018 thì H xuống xe. Trước khi về nhà, H gửi nhờ hai bao hàng thuốc lá (có ngụy trang phở khô) trước Cây xăng dầu Hòa Mỹ (thuộc phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu) và H thuê xe thò chở số hàng thuốc lá còn lại (trong túi xách và bao gai nhỏ) về đến nhà kho của H. Nguyễn Thị H điện thoại cho con trai là Nguyễn Văn B yêu cầu B ra đến cây xăng dầu để chở hai bao hàng thuốc lá lậu trên về nhà kho cất giữ, khi nghe H nói vậy, B đang ở tại nhà trọ trên đường N 11 (thuộc phường M, quận C) đã gọi thêm em trai của B là Nguyễn Văn C (sinh ngày 20/9/1995; Chỗ ở: tổ 70 phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng) để cùng với B ra đến khu vực cây xăng dầu để nhận và chở hàng giúp về cho H. B sử dụng xe gắn máy, mang biển số: **43C1-458.64**, còn C điều khiển xe máy biển số: **43L1-4603** (được B để trước nhà kho) đi đến Cây xăng dầu trên để chở hàng. Khi nói C ra địa điểm trên nhận chở hai bao hàng về nhà kho thì B không nói rõ cho C biết: đây là loại hàng thuốc lá lậu nên C

vẫn thực hiện việc ra Cây xăng dầu trên chõ bao hàng theo yêu cầu của B. Sau khi chở một bao hàng về để trước nhà kho thì C quay trở lại nhà trọ và C không tham gia gì về việc mở kiểm tra bao hàng nói trên. Một lúc sau, H nhờ C chở bao hàng nhỏ phở khô ra đến bến xe Trung tâm Đà Nẵng để nhờ xe khách chở giao cho khách hàng quen biết của H. Lúc 07 giờ ngày 23/11/2018, trong lúc B đang sắp xếp và kiểm tra số lượng hàng thuốc lá lậu (trong hai bao gai màu xanh vừa chở về) để chuẩn bị cùng với H vận chuyển đi tiêu thụ thì H và B đã bị Công an quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát hiện và lập biên bản bắt giữ phạm tội quả tang về hành vi: Buôn bán hàng cấm.

Tang vật tạm giữ: **6.500** bao thuốc lá lậu, nhãn hiệu **ESSE** các loại (gồm: **1.500** bao thuốc lá, nhãn hiệu ESSE LIGHT; **2.000** bao thuốc lá, nhãn hiệu ESSE METHOL; **2.500** bao thuốc lá, nhãn hiệu: ESSE GOLD và **500** bao thuốc lá, nhãn hiệu ESSE CLASSIC); 02 điện thoại di động Nokia màu cam; 01 điện thoại di động OPPO, R1001 màu trắng – đen; 01 xe máy nhãn hiệu Ware RS biển số 43C1-45864; 01 xe máy nhãn hiệu Honda biển số 43L1-4603; 100.000.000 đồng; 07 cuốn sổ ghi chép các loại được đánh số từ 1 đến 7 theo biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 23/11/2018.

Ngày 26/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số 03/QĐ-TCGD trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an (tại thành phố Đà Nẵng) giám định về nguồn gốc, xuất xứ, chủng loại, chất lượng của số tang vật đang bị tạm giữ là: **6.500 (sáu ngàn năm trăm)** bao thuốc lá điếu, nhãn hiệu **ESSE** các loại nói trên. Ngày 06/12/2018, Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an (tại thành phố Đà Nẵng) có Kết luận giám định số 923/C09C(Đ4) xác định: **6.500** bao thuốc lá điếu, nhãn hiệu **ESSE** các loại nói trên đều là thuốc lá điếu do nước ngoài sản xuất. Ngày 28/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Liên Chiểu ra Quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền trung giám định tình trạng tâm thần của Nguyễn Văn B. Ngày 02/4/2019, Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền trung kết luận:

*Trước thời điểm gây án: Kết luận về mặt y học: Tâm thần phân liệt thể thể Paranoid, thuyên giảm không hoàn toàn (F20.04); Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

*Tại thời điểm gây án: Kết luận về mặt y học: Tâm thần phân liệt thể thể Paranoid, thuyên giảm không hoàn toàn (F20.04); Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

*Thời điểm hiện tại: Tâm thần phân liệt thể thể Paranoid, thuyên giảm không hoàn toàn (F20.04); Đối tượng cần điều trị ngoại trú liên tục; Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Tại Bản án HSST số 106/2019/HSST ngày 26/9/2019 Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ: điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị H 08 (tám) năm** tù về tội “Buôn bán hàng cấm”.
Được trừ đi 09 ngày tạm giữ từ ngày 23/11/2018 đến ngày 01/12/2018 còn lại là **7 năm 11 tháng 21 ngày**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2018.

Căn cứ: điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn B 05 (năm) năm** tù về tội: “Buôn bán hàng cấm”.
Được trừ đi 09 ngày tạm giữ từ ngày 23/11/2018 đến ngày 01/12/2018 còn lại là **4 năm 11 tháng 21 ngày**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 2/10/2019, bị cáo Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 7/10/2019, bị cáo Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Đơn kháng cáo của bị cáo đảm bảo đúng chủ thể, trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về kháng cáo của các bị cáo: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn B một phần hình phạt.

Tại phiên tòa Luật sư Phạm Ngọc H bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho bị cáo B phát biểu quan điểm: bị cáo B có hành vi buôn bán hàng cấm là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Mặt khác, bị cáo hạn chế về nhận thức, mục đích phạm tội là để thỏa mãn tiêu xài cá nhân, bị cáo đang điều trị ngoại trú về bệnh tâm thần, bị cáo không có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn B thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự là đúng, chỉ đề nghị HĐXX xem xét nội dung kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 17 giờ ngày 23/11/2018, tại khu vực tổ 112, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn B đang sắp xếp thuốc lá nhập lậu để đưa đi tiêu thụ thì bị Công an quận Liên Chiểu phát hiện và lập B bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang. Tang vật thu giữ: **6.500** bao thuốc lá lậu, nhãn hiệu **ESSE** các loại (gồm: **1.500** bao thuốc lá, nhãn hiệu ESSE LIGHT; **2.000** bao thuốc lá, nhãn hiệu ESSE METHOL; **2.500** bao thuốc lá, nhãn hiệu: ESSE GOLD và **500** bao thuốc lá, nhãn hiệu ESSE CLASSIC). Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm số 106/2019/HSST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn B về tội "*Buôn bán hàng cấm*" theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo không kháng cáo về tội danh, không kháng cáo kêu oan.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến chế độ quản lý đối với các loại hàng hoá mà Nhà nước cấm lưu thông gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và hậu quả của vụ án, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng và đã có xem xét đến nhân thân của các bị cáo. Mặc dù trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay cả 02 bị cáo đều cung cấp chứng cứ mới là mẹ bị cáo H, cũng là bà ngoại của bị cáo B có công Cách mạng được tặng Bằng khen, tuy nhiên trong vụ án này bị cáo H phạm tội với vai trò chủ mưu, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức án 08 năm tù là phù hợp, không nặng; Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H cũng như đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo H của Đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên án sơ thẩm đối với bị cáo H. Đối với bị cáo Nguyễn Văn B, xét thấy bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức thứ yếu, cả 2 mẹ con đều phạm tội trong cùng vụ án; Bản thân bị cáo khi phạm tội bị hạn chế một phần năng lực, bà ngoại bị cáo có công Cách mạng được tặng Bằng khen. Do đó, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54, Điều 56 BLTTHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H, chấp nhận kháng cáo của bị cáo

Nguyễn Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị H, sửa bản án sơ thẩm về quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn B.

Căn cứ: điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị H 08 (tám) năm** tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Được trừ đi 09 ngày tạm giữ từ ngày 23/11/2018 đến ngày 01/12/2018 còn lại là **7 năm 11 tháng 21 ngày**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/12/2018.

Căn cứ: điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn B 04 (bốn) năm** tù về tội: “Buôn bán hàng cấm”. Được trừ đi 09 ngày tạm giữ từ ngày 23/11/2018 đến ngày 01/12/2018 còn lại là **4 năm 11 tháng 21 ngày**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo Nguyễn Văn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Công an quận Liên Chiểu;
- PV27; PC81 công an thành phố;
- TAND quận Liên Chiểu;
- THA DS quận Liên Chiểu;
- Sở tư pháp TPĐN;
- TB kết quả xét xử;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Anh

